

Số: 06/GPMT-PTNMT

Châu Thành, ngày 11 tháng 11 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần 1)

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện Châu Thành ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành;

Căn cứ Quyết định số 4015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2022 của UBND huyện Châu Thành về việc ủy quyền cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND huyện Châu Thành;

Xét văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần nông sản Phúc Tiến ngày 04 tháng 11 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 11/GPMT-PTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành đã cấp phép cho Công ty Cổ phần nông sản Phúc Tiến, địa chỉ tại Lô C2, đường số 7, Khu Công nghiệp Bình Hòa, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép điều chỉnh này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 11/GPMT-PTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2022.

Điều 2. Công ty Cổ phần nông sản Phúc Tiến tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 11/GPMT-PTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2022 và các nội dung điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh này.

Điều 3. Giấy phép môi trường điều chỉnh này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 11/GPMT-PTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2022 hết hiệu lực./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Nông sản Phúc Tiến;
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- UBND xã Bình Hòa;
- Cổng Thông tin điện tử huyện;
- Ban Lãnh đạo Phòng;
- Lưu: VT, HS.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Ngọc Được



Phụ lục**NỘI DUNG CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐIỀU CHỈNH**

(Kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh số 06/GPMT-PTNMT ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành)

1. ĐIỀU CHỈNH PHẠM VI, QUY MÔ, CÔNG SUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ:

1.1. Vốn đầu tư: Phát sinh tăng tổng số vốn từ 45.000.000.000 VNĐ lên 85.000.000.000 VNĐ (theo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 627/QĐ-BQLKKT do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang cấp điều chỉnh lần thứ II ngày 24/04/2023 và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 4544612452 chứng nhận điều chỉnh lần thứ II ngày 24/04/2023).

1.2. Công suất: Không thay đổi so với Giấy phép môi trường số 11/GPMT-PTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2022.

1.3. Các hạng mục công trình: Có thay đổi quy mô, diện tích các hạng mục, công trình nhưng không thay đổi tổng diện tích sử dụng đất. Các hạng mục công trình thay đổi cụ thể như sau:

- Các hạng mục công trình chính. Nhà xưởng sản xuất: 3.678,4 m² giảm còn 3.608 m².
- Các hạng mục công trình phụ trợ: 1.788,7 m² giảm còn 1.778,76 m².
- Đất giao thông, sân bãi, cây xanh: 3.678,1 m² tăng lên 760,72 m².
- Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:
 - + Hệ thống xử lý nước thải: 119 m² tăng lên 133,12 m².
 - + Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại: 1,4 m² tăng lên 9,3 m².
 - + Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường; Kho chứa trấu, tro; Hệ thống xử lý khí thải lò hơi; Khu vực lưu giữ phụ phẩm: Không thay đổi

2. ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**2.1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt khối lượng 6,9 m³/ngày.đêm.
- Nước thải sản xuất khối lượng 30 m³/ngày.đêm.
- Nước thải rửa nguyên liệu khối lượng 30 m³/ngày.đêm.
- Nước thải trong quá trình xử lý khí thải lò hơi khối lượng 03 m³/ngày.đêm.

- Nước thải vệ sinh máy móc, thiết bị khối lượng 06 m³/ngày.đêm.
- Nước thải vệ sinh khu vực sản xuất khối lượng 5,5 m³/ngày.đêm.
- Nước thải vệ sinh hệ thống xử lý nước cấp RO khối lượng 03 m³/ngày.đêm.
- Nước thải rửa thiết bị của phòng thí nghiệm nội bộ khối lượng 0,1 m³/ngày.
- * Tổng khối lượng nước thải phải xử lý là: 84,5 m³/ngày.đêm.
- * Công suất thiết kế hệ thống xử lý nước thải: 100 m³/ngày.đêm (không thay đổi)

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải:

Nước thải sau khi xử lý đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn đầu nối của Khu công nghiệp Bình Hòa theo Hợp đồng dịch vụ thoát nước số 671/HĐ-TTHT ngày 06/11/2023, được bơm cưỡng bức theo đường ống uPVC Ø60 mm đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của Khu công nghiệp Bình Hòa (01 điểm đầu nối trên đường số 07). Tọa độ điểm đầu nối nước thải, theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104⁰45', múi chiếu 3⁰: X=564964, Y=1155806.

2.3. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 01/01/2025 đến 31/03/2025.

3. ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

3.1. Nguồn phát sinh khí thải:

Hoạt động của lò hơi đốt trấu công suất tối đa 1,5 tấn hơi/giờ, công suất vận hành ổn định sản xuất 1,0 tấn hơi/giờ.

3.2. Vị trí xả khí thải: Tọa độ vị trí xả khí thải, theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104⁰45', múi chiếu 3⁰: X=565064; Y=1155847.

3.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 30.000 m³/ngày đêm, tương đương 3.000 m³/giờ.

3.4. Thời gian xả khí thải: 10 giờ/ngày (10 giờ/24 giờ).

3.5. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 01/01/2025 đến 31/03/2025.

3.6. Công suất thiết kế công trình xử lý khí thải: 3.000 m³/giờ.

4. ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Phế phẩm từ nguyên liệu: từ khoảng 0,6 tấn/ngày tăng lên khoảng 03 tấn/ngày.

- Tro thải: từ khoảng 150 kg/ngày tăng lên khoảng 430 kg/ngày.

4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Trong kho chất thải nguy hại bố trí 05 thùng chứa loại 60 lít để chứa chất thải nguy hại.

- Kho lưu chứa: diện tích 9,3 m², được bố trí tại hạng mục Nhà xe. Thiết kế, cấu tạo: nền bê tông, vách tole, mái lợp tole và có dán biểu tượng cảnh báo chất thải nguy hại.

4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

* Tro trấu thải:

Khu vực lưu chứa: diện tích 15 m², bố trí tại hạng mục Nhà lò hơi. Thiết kế, cấu tạo: dạng khung tiền chế với mái và vách tole, nền bê tông.

* Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải:

Được chứa tại bể chứa bùn thể tích là 9,6 m³ (kích thước D x R x H: 2,0m x 1,2m x 4m), kết cấu bằng bê tông cốt thép có sơn chống thấm. Tiến hành phân định bùn thải theo quy định và định kỳ chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý.

4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 06 thùng chứa rác sinh hoạt loại HDPE 120 lít cho toàn bộ dự án, đủ khả năng chứa lượng rác thải phát sinh đặt xung quanh nhà xưởng, nơi làm việc của công nhân để gom rác hàng ngày (04 thùng tại khu vực căn tin; 01 thùng tại khu vực văn phòng; 01 thùng đặt tại phía trước cổng)

- Điểm tập kết rác sinh hoạt: Trước cổng dự án nhằm thuận tiện cho công tác thu gom của đơn vị chức năng thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

5. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- Đầu nối hệ thống thoát nước mưa của dự án vào hệ thống thoát nước mưa chung của Khu công nghiệp Bình Hòa theo Công văn số 44/2024/CV-PT ngày 04/11/2024 của Công ty Cổ phần Nông sản Phúc Tiến về việc đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất và Chế biến rau củ quả.

- Tiến hành vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo Kế hoạch đề ra. Trường hợp có thay đổi phải thông báo cho cơ quan cấp giấy phép môi trường (Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành).